

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 901/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1210/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2018 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Xuân Đ, sinh năm 1974; Thường trú: 27/13B tổ 35, ấp T, xã TT, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 13/18 ấp A, xã Đ, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1967; Địa chỉ: 27/13B tổ 35, ấp T, xã TT, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Xuân Đ trình bày:

Bà và ông Ngô Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, được Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyền số 1/2006 ngày 04/4/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên bất hòa, gây gổ nhau. Hai bên đã cố gắng rất nhiều nhưng không thể dung hòa được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Vì vậy, bà xin ly hôn với ông T. Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Gia B, sinh ngày 11/9/2007. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn là ông Ngô Văn T được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự ở giai đoạn sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Đ và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và không thể giải quyết được, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi và bỏ mặc nhau từ năm 2017. Bị đơn ông Ngô Văn T được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do. Con chung là Ngô Gia B, sinh ngày 11/9/2007 đang ở với nguyên đơn và có nguyện vọng ở với nguyên đơn. Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Điều 8 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Các đương sự cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Ngô Văn T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2019/QĐXXST-HNGĐ kèm Giấy triệu tập số 259/GTT ngày 19/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2019/QĐST-HNGĐ kèm Giấy triệu tập số 290/GTT ngày 16/7/2019 nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 1/2006 do Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 04/4/2006, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông T là hợp pháp, quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Theo lời trình bày của bà Đ thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột; bà đã cố gắng tạo nhiều cơ hội để vợ chồng cùng sửa đổi nhưng không thành; vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi và bỏ mặc nhau từ năm 2017 đến nay; bà xác định không còn tình cảm với ông T. Phía bị đơn là ông Ngô Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong suốt quá trình

giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi, thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2019, chính quyền địa phương không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú giữa bà Đ và ông T. Như vậy, việc vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc và sống ly thân, bỏ mặc nhau từ năm 2017 đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Đ là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng: Lời trình bày của bà Đ phù hợp với nội dung Giấy khai sinh số 340, quyển số 02/2007 do Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2007, có căn cứ xác định bà Đ và ông T có 01 con chung là Ngô Gia B, sinh ngày 11/9/2007. Bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì con chung ở với bà và do bà trực tiếp nuôi dưỡng liên tục đến nay; ông T không có ý kiến đồng ý hay phản đối; Tại bản tự khai ngày 14/01/2019, trẻ B mong muốn được sống chung với bà Đ. Do đó, việc giao con chung cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận việc bà Đ tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ trình bày không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ”*. Ông T vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên phải tự chịu trách nhiệm.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Xuân Đ và ông Ngô Văn T.

- Về con chung và nuôi con chung:

+ Giao cho bà Lê Thị Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Gia B, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2007;

+ Tạm ngừng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Ngô Văn T cho đến khi có yêu cầu của bà Lê Thị Xuân Đ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Xuân Đ trình bày không có.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Xuân Đ trình bày không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Xuân Đ phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004172 ngày 23/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Lê Thị Xuân Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Thới Tam Thôn,
huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

(đã ký)

Phạm Văn Huy